

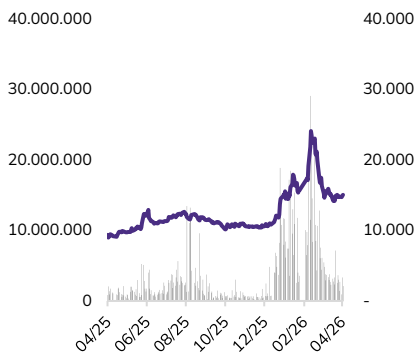
Lê Thị Kim Huệ

Email: hue.lethikim@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành : Xăng dầu
 Ngày báo cáo : 28/04/2026
 Giá hiện tại (VND/CP) : 14.100
 Vốn hóa (Tỷ VND) : 14.583
 SLCPLH (CP) : 1.034.229.500

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: FiinPro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

| Chỉ tiêu | 2024 | 2025 |
|----------------------|--------|--------|
| Tăng trưởng DTT (%) | 21,2% | 21,0% |
| Tăng trưởng LNST (%) | -26,9% | 5,8% |
| Biên LNG (%) | 3,3% | 2,9% |
| Biên LNST (%) | 0,3% | 0,3% |
| ROA (%) | 1,0% | 1,0% |
| ROE (%) | 3,9% | 4,1% |
| Nợ vay/VCSH (lần) | 0,66 | 0,94 |
| EPS (VND/CP) | 316 | 343 |
| BVPS (VND/CP) | 10.088 | 10.173 |

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Kế hoạch 2026 – doanh thu đi ngang, lợi nhuận bứt phá

Điểm chính của ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026

- **KQKD 2025 – Doanh thu, lợi nhuận gộp lên cao nhất 10 năm nhưng LNST vẫn sụt giảm svck do các chi phí tăng cao & ghi nhận bổ sung khoản lỗ trong công ty liên kết:**
 - ✓ Năm 2025, doanh thu thuần (DTT) của OIL đạt 150.557 tỷ đồng (+21% svck), lợi nhuận gộp (LNG) đạt 4.393 tỷ đồng (+6,1% svck) nhưng biên LNG sụt giảm về còn 2,9% (-0,4 điểm % svck). Đây là mức DTT và LNG cao nhất 10 năm qua của OIL.
 - ✓ Các loại chi phí trong kỳ cũng tăng như chi phí bán hàng & QLDN, chi phí tài chính, đặc biệt là chi phí lãi vay. Ngoài ra, năm 2025, OIL còn ghi nhận khoản lỗ 176 tỷ đồng từ công ty liên kết, trong đó chủ yếu là từ CTCP Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí (PVB), công ty liên kết do OIL sở hữu 39,76% VĐL và là chủ đầu tư Dự án Nhà máy Nhiên liệu Sinh học (NLSH) Phú Thọ.
 - ✓ Do đó, LNTT & LNST cổ đông công ty mẹ lần lượt đạt 654 tỷ đồng (+3,3% svck) & 434,7 tỷ đồng (+5,8% svck), hoàn thành 156% kế hoạch tổng doanh thu và 84% kế hoạch LNTT năm 2025. Sau khi trừ mức trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (76,2 tỷ đồng), ROE 2025A ở mức 3,4%.
- ✓ **Tình hình HĐSXKD:**
 - Giá dầu thế giới tiếp tục biến động khó lường, tăng/giảm đan xen. Giá dầu Brent DTD trung bình năm 2025 đạt 69,2 USD/thùng (-14% svck), giá bán lẻ các sản phẩm xăng dầu trong nước giảm từ 9 – 14% svck.
 - Sản lượng xuất nhập khẩu dầu thô năm 2025 của OIL đạt 10,9 triệu tấn, hoàn thành 123% kế hoạch năm và tăng 14% svck.
 - Sản lượng sản xuất xăng dầu, dầu mỡ nhờn trong năm đạt 622 nghìn m3, hoàn thành 96% kế hoạch năm, giảm 4% svck do nhu cầu tiêu thụ xăng E5 có xu hướng sụt giảm.
 - Sản lượng kinh doanh xăng dầu (KDXD) đạt 6,06 triệu m3/tấn, hoàn thành 112% kế hoạch năm, tăng trưởng 8% svck, chiếm khoảng 23% thị phần kinh doanh nội địa. Trong 5 năm 2021-2025, PVOIL có bước tăng trưởng đột phá về quy mô sản lượng KDXD – tăng gấp hơn 2 lần.
- ✓ **Tình hình đầu tư năm 2025:** Toàn hệ thống PVOIL đã phát triển được 117 cửa hàng xăng dầu (CHXD), hoàn thành 170% kế hoạch năm; nâng tổng số CHXD của PVOIL đến 31/12/2025 là 950 CHXD, gấp 1,5 lần so với năm 2021. Tổng giá trị thực hiện đầu tư trong năm 2025 của toàn hệ thống PVOIL đạt 941 tỷ đồng, hoàn thành 86% kế hoạch năm trong đó công ty mẹ là 595 tỷ đồng.

- **KQKD Q1/2026:**

- ✓ Trong 4 tháng đầu năm, doanh thu đạt hơn 70.000 tỷ đồng, LNTT ước đạt 196 tỷ đồng (hoàn thành 23,9% kế hoạch LNTT năm 2026) trong bối cảnh giá xăng dầu thế giới và trong nước biến động mạnh khi căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông xảy ra.

- **Kế hoạch kinh doanh năm 2026 – doanh thu đi ngang, lợi nhuận tăng trưởng:**

- ✓ Trong bối cảnh thế giới vô cùng bất ổn, căng thẳng địa chính trị tại các khu vực trên thế giới gia tăng gây ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường dầu thô và xăng dầu toàn cầu, OIL lên kế hoạch năm 2026 với doanh thu đi ngang nhưng lợi nhuận tăng trưởng mạnh svck:

- Sản lượng KDXD năm 2026 dự kiến đạt 5.910 nghìn m³/tấn (-2,5% svck).
- Tổng doanh thu năm 2026 dự kiến đi ngang với 150.700 tỷ đồng (-0,6% svck), LNTT và LNST dự kiến đạt 820 tỷ đồng (+25,4% svck) & 656 tỷ đồng (+30,4% svck).

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026 CỦA OIL

| Chỉ tiêu | ĐVT | TH 2025 | KH 2026 | %YOY |
|-----------------------------|---------------------|---------|---------|-------|
| Sản lượng xăng dầu xuất bán | m ³ /tấn | 6.060 | 5.910 | -2,5% |
| DTT | tỷ đồng | 151.640 | 150.700 | -0,6% |
| LNTT | tỷ đồng | 654 | 820 | 25,4% |
| LNST | tỷ đồng | 503 | 656 | 30,4% |
| Cổ tức bằng tiền | % | 2,5% | | |

Nguồn: OIL, ABS Research

- **Về phương án phân phối lợi nhuận:**

- ✓ Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025, ĐHĐCĐ thông qua phương án chia cổ tức bằng tiền tỷ lệ 2,5%, trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 76,2 tỷ đồng (chiếm 9,2% LNST chưa phân phối cuối năm 2025).

Đánh giá của ABS Research:

Với việc 4 tháng đầu năm mới đạt 23,9% kế hoạch, chúng tôi đánh giá kế hoạch kinh doanh năm 2026 mà OIL đưa ra gặp nhiều khó khăn, thách thức trong bối cảnh giá dầu biến động khó lường do ảnh hưởng của bất ổn địa chính trị trên thế giới & OIL vẫn tiếp tục phải trích lập phần còn lại cho dự án ethanol Phú Thọ. Triển vọng lợi nhuận năm 2026 của OIL phụ thuộc lớn vào sự ổn định của giá dầu, gồm cả yếu tố thuận lợi và khó khăn đan xen như sau:

- **Nhu cầu tiêu thụ xăng dầu tiếp tục ổn định:**

- ✓ Tăng trưởng kinh tế vẫn là động lực chính. Mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026 ở mức 2 con số của Chính phủ sẽ kéo theo nhu cầu tiêu thụ xăng dầu gia tăng. Bên cạnh đó, hạ tầng cao tốc mới đi vào hoạt động cũng sẽ thúc đẩy nhu cầu. Theo Bộ Công Thương, ước tính sản lượng tiêu thụ xăng dầu trong nước đạt mức tăng trưởng 8%/năm trong 2-3 năm tới.

- ✓ Thị trường phân phối xăng dầu của Việt Nam dự báo tăng trưởng ổn định với tốc độ tăng trưởng kép CAGR trong giai đoạn 2022-2030 dự kiến chỉ đạt 4,3%/năm.

- **OIL dự kiến sẽ hưởng lợi nếu Dự thảo về kinh doanh xăng dầu được thông qua** do OIL có lợi thế về thương hiệu, quy mô (mạng lưới các CHXD rộng khắp cả nước), thị phần (chiếm 23% thị phần kinh doanh xăng dầu nội địa). Dự thảo đang được Bộ Công Thương nghiên cứu và trình duyệt với định hướng cơ chế điều hành giá xăng dầu mới sát với thực tế thị trường & minh bạch, phản ánh đúng chi phí vận tải, tỷ giá vào giá sẽ giúp biên lợi nhuận ổn định hơn.

- **Xăng sinh học E10 dự kiến được áp dụng trên toàn quốc từ giữa năm 2026 mở ra cơ hội cho OIL.**

- ✓ Theo quy định của Bộ Công Thương, từ ngày 01/06/2026, xăng không chì lưu thông trên toàn quốc phải được phối trộn thành xăng sinh học E10, trong khi xăng E5 RON92 tiếp tục được phép lưu hành đến hết năm 2030. Điều này đồng nghĩa với việc trong thời gian tới, phần lớn phương tiện giao thông tại Việt Nam ước tính khoảng 75 triệu xe máy và hơn 5,5 triệu ô tô sẽ từng bước chuyển sang sử dụng xăng sinh học.
 - ✓ Với lợi thế sở hữu hệ thống phân phối lớn thứ hai thị trường cùng hạ tầng sẵn có, OIL đã hoàn tất nâng cấp hạ tầng pha chế xăng sinh học E10 với công suất khoảng 4 triệu m³/năm vào cuối năm 2026, bắt đầu triển khai xăng E10 toàn hệ thống từ tháng 4/2026.
 - ✓ Đáng chú ý, sản phẩm E10 có giá thành cạnh tranh hơn, đồng thời được hưởng mức thuế tiêu thụ đặc biệt thấp hơn (7%), qua đó không chỉ thúc đẩy tiêu thụ mà còn tạo thêm giá trị gia tăng trong khâu phối trộn, hỗ trợ cải thiện biên lợi nhuận. Tuy nhiên, hiệu quả thực tế vẫn phụ thuộc vào diễn biến giá ethanol, cơ chế điều hành giá bán lẻ và mức độ chấp nhận của người tiêu dùng trong giai đoạn đầu, khiến tác động tích cực có thể mang tính từng bước thay vì ngay lập tức.
- **Động lực tăng trưởng mới từ mảng nhiên liệu bay Jet A1**
 - ✓ Trong bối cảnh mảng xăng dầu truyền thống chịu nhiều biến động, OIL đang chủ động xây dựng động lực tăng trưởng mới từ nhiên liệu bay (Jet A1). Đến tháng 12/2025, doanh nghiệp đã hoàn tất cấp phép và thành lập đơn vị chuyên trách PVOIL Aviation Energy, đồng thời đẩy nhanh hoàn thiện hạ tầng gồm phương tiện tra nạp, kho trung chuyển và các điều kiện kỹ thuật cần thiết. Theo kế hoạch, cuối quý 2 hoặc đầu quý 3/2026, đơn vị có thể đủ điều kiện xin cấp phép cung ứng tại các sân bay trọng điểm như Tân Sơn Nhất, Nội Bài, Phú Quốc, qua đó mở đường ghi nhận doanh thu ngay từ cuối năm nếu tiến độ thuận lợi.
 - ✓ Việc tham gia vào mảng Jet A1 không chỉ giúp đa dạng hóa nguồn thu mà còn mang ý nghĩa chiến lược khi đây là phân khúc có biên lợi nhuận tốt hơn và ít chịu ràng buộc về cơ chế điều hành giá so với xăng dầu truyền thống.
 - ✓ Trong trung hạn, cùng với đà phục hồi của ngành hàng không và việc mở rộng mạng lưới cung ứng, mảng này được kỳ vọng sẽ trở thành trụ cột tăng trưởng mới, góp phần cải thiện chất lượng lợi nhuận và giảm tính chu kỳ trong HĐKD của Oil.
- **Kỳ vọng việc hợp tác triển khai trạm sạc xe điện với Vinfast sẽ đem lại nguồn thu ổn định.** Mảng này đang mang lại hiệu quả nhất định, có thời điểm đóng góp khoảng 20-30% lợi nhuận tại một số đơn vị thành viên. Hiện, OIL đã có hơn 500 cửa hàng tích hợp trạm sạc, kỳ vọng mở thêm ít nhất 100 cửa hàng mới/năm và phần lớn sẽ đi kèm hạ tầng sạc, hướng tới tỷ lệ 50-60% hệ thống có trạm sạc. Trong bối cảnh xu hướng chuyển dịch sang xe điện ngày càng rõ nét, đây được xem là bước đi chiến lược giúp doanh nghiệp đa dạng hóa nguồn thu, giảm phụ thuộc vào xăng dầu và tạo nền tảng tăng trưởng bền vững dài hạn.
- **Kỳ vọng chuyển sàn sang HOSE.** Năm 2025, OIL đã chủ động trích lập dự phòng 151 tỷ đồng cho dự án Ethanol Phú Thọ và năm 2026 dự kiến sẽ trích lập khoảng 90 tỷ đồng còn lại, cho thấy định hướng “làm sạch” báo cáo tài chính nhằm đáp ứng các điều kiện niêm yết trên HOSE. Sau khi hoàn tất xử lý các tồn đọng, doanh nghiệp có thể tiến hành các thủ tục chuyển sàn trong năm 2027. Việc niêm yết trên HOSE không chỉ giúp nâng cao tính minh bạch và chuẩn mực quản trị mà còn mở rộng khả năng tiếp cận dòng vốn lớn từ các quỹ đầu tư trong và ngoài nước, qua đó cải thiện thanh khoản cổ phiếu và hỗ trợ định giá. Đây được xem là bước đi chiến lược, góp phần nâng cao vị thế của OIL trên thị trường vốn và tạo nền tảng cho các kế hoạch tăng trưởng dài hạn.
- **Tuy nhiên, OIL cũng phải đối mặt với một số rủi ro, thách thức như:**
 - ✓ Biến động giá dầu do rủi ro địa chính trị tại Trung Đông. Triển vọng lợi nhuận của OIL phụ thuộc rất lớn vào sự biến động của giá dầu. Căng thẳng chiến sự Trung Đông khiến cho nguồn cung năng lượng toàn cầu bị gián đoạn do eo biển Homuz bị đóng cửa, từ đó làm giá xăng dầu tăng cao. Với vòng quay tồn kho ngắn (khoảng 7,9 ngày), lượng hàng tồn kho giá rẻ vào cuối năm 2025 cũng chỉ mang tính ngắn hạn và OIL cũng là 1 trong 3 đơn vị đầu mỗi bị xử phạt do không duy trì mức dự trữ xăng dầu tối thiểu. Do đó, nếu chiến sự Trung Đông kéo dài, biên lợi nhuận của OIL có thể bị thu hẹp do nguồn cung

dầu thô đầu vào bị hạn chế, từ đó ảnh hưởng tới tình hình sản xuất và phân phối xăng dầu trong nước, buộc OIL phải gia tăng nhập khẩu xăng dầu thành phẩm với chi phí cao, bên cạnh đó chi phí vận tải cũng tăng cao, gây áp lực lên biên lợi nhuận.

- ✓ Chủ trương hạn chế phương tiện sử dụng nhiên liệu hóa thạch tại các đô thị lớn như Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh dự kiến triển khai từ sau năm 2027 có thể ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng tiêu thụ xăng dầu tại các khu vực có mật độ tiêu thụ cao nhất cả nước. Hiện hai đô thị này chiếm khoảng 30–35% tổng nhu cầu xăng dầu bán lẻ, nên bất kỳ chính sách hạn chế nào (thu phí khí thải, cấm xe xăng theo khu vực, mở rộng phố đi bộ...) đều có thể làm suy giảm sản lượng của OIL trong dài hạn.
- ✓ Rủi ro dài hạn từ xu hướng chuyển dịch sang xe điện và nhiên liệu xanh. Xu hướng điện hóa phương tiện đang diễn ra rõ nét tại Việt Nam với tốc độ tăng trưởng cao, được thúc đẩy bởi giá xe giảm, hạ tầng sạc mở rộng nhanh và các chính sách hỗ trợ từ Chính phủ. Điều này có thể khiến nhu cầu xăng dầu tăng trưởng chậm lại trong trung và dài hạn, qua đó tạo áp lực lên sản lượng tiêu thụ và biên lợi nhuận của OIL. Tuy nhiên, tác động trong ngắn hạn vẫn còn hạn chế do tỷ lệ thâm nhập xe điện chưa đủ lớn, trong khi doanh nghiệp đã chủ động triển khai hạ tầng trạm sạc và hợp tác với VinFast nhằm thích ứng với xu hướng chuyển dịch năng lượng. Do đó, rủi ro này mang tính cấu trúc dài hạn hơn là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh trong giai đoạn 1–2 năm tới.
- Theo kế hoạch mà OIL đưa ra, LNST năm 2026 dự kiến đạt 656 tỷ đồng (+30,4% svck), ABS Research ước tính EPS & BVPS 2026F dự kiến đạt 548 đ/cp & 10.471 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 25,36 và 1,33 lần tại mức giá hiện tại. ROE 2026F dự kiến đạt 5,2%.

PHỤ LỤC: MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA OIL

| Báo cáo KQ HKKD (Tỷ đồng) | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 |
|--------------------------------|------------|------------|------------|------------|
| Doanh thu thuần | 104.214 | 102.663 | 124.460 | 150.557 |
| Giá vốn hàng bán | -100.147 | -98.809 | -120.320 | -146.163 |
| Lợi nhuận gộp | 4.067 | 3.853 | 4.139 | 4.393 |
| Doanh thu tài chính | 567 | 865 | 674 | 785 |
| Chi phí tài chính | -330 | -403 | -357 | -450 |
| Chi phí bán hàng | -2.370 | -2.483 | -2.774 | -2.886 |
| Chi phí QLDN | -1.042 | -1.145 | -1.078 | -1.088 |
| Lợi nhuận từ HKKD | 895 | 698 | 619 | 579 |
| Lãi/Lỗ khác | 17 | 100 | 14 | 75 |
| Lợi nhuận trước thuế | 912 | 798 | 633 | 654 |
| Lợi nhuận sau thuế | 723 | 621 | 474 | 503 |
| LNST cổ đông Công ty mẹ | 651 | 563 | 411 | 435 |

| Báo cáo LCTT (Tỷ đồng) | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 |
|--|--------------|--------------|--------------|--------------|
| LCT thuần từ HKKD | 2.913 | -1.007 | -822 | 902 |
| LCT thuần từ Hoạt động đầu tư | 269 | -2.046 | -607 | -2.625 |
| LCT thuần từ Hoạt động tài chính | -2.271 | 4.066 | 249 | 3.043 |
| LCT thuần trong kỳ | 911 | 1.013 | -1.181 | 1.320 |
| Tiền & tương đương tiền đầu kỳ | 2.991 | 4.082 | 5.377 | 4.124 |
| Tiền & tương đương tiền cuối kỳ | 4.082 | 5.377 | 4.124 | 5.500 |

| Chỉ số tài chính | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 |
|-------------------------------|------|------|------|------|
| Khả năng thanh toán | | | | |
| Khả năng thanh toán hiện hành | 1,35 | 1,21 | 1,19 | 1,16 |
| Khả năng thanh toán nhanh | 1,15 | 1,05 | 1,05 | 1,06 |
| Khả năng thanh toán tiền mặt | 0,68 | 0,56 | 0,50 | 0,56 |
| Khả năng thanh toán lãi vay | 6,08 | 4,06 | 4,37 | 2,93 |

| Cơ cấu vốn | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 |
|-----------------------------|------|------|------|------|
| Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản | 0,39 | 0,29 | 0,27 | 0,25 |
| Nợ phải trả/Tổng tài sản | 0,61 | 0,71 | 0,73 | 0,75 |
| Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E) | 0,24 | 0,62 | 0,66 | 0,94 |

| Chỉ số hiệu suất hoạt động | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 |
|----------------------------|------|------|------|------|
| Số ngày phải thu | 15,5 | 24,5 | 28,6 | 26,5 |
| Số ngày phải trả | 28,5 | 42,3 | 41,2 | 37,7 |
| Số ngày tồn kho | 10,1 | 13,1 | 11,7 | 7,9 |

| Khả năng sinh lời | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 |
|------------------------|------|------|------|------|
| Tỷ suất lợi nhuận gộp | 3,9% | 3,8% | 3,3% | 2,9% |
| Tỷ suất lợi nhuận HKKD | 0,6% | 0,3% | 0,2% | 0,2% |
| Tỷ suất LNST | 0,7% | 0,6% | 0,4% | 0,3% |
| ROE | 6,4% | 5,5% | 4,2% | 4,4% |
| ROA | 2,6% | 1,8% | 1,2% | 1,2% |

| Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng) | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---------------|---------------|---------------|---------------|
| + Tiền và các khoản tương đương tiền | 4.082 | 5.377 | 4.124 | 5.500 |
| + Đầu tư ngắn hạn | 7.666 | 9.893 | 10.853 | 13.468 |
| + Các khoản phải thu ngắn hạn | 8.091 | 13.110 | 16.488 | 16.709 |
| + Hàng tồn kho | 2.941 | 4.171 | 3.540 | 2.778 |
| + Tài sản ngắn hạn khác | 452 | 426 | 538 | 482 |
| Tài sản ngắn hạn | 23.233 | 32.977 | 35.543 | 38.938 |
| + Các khoản phải thu dài hạn | 23 | 37 | 32 | 50 |
| + Tài sản cố định | 3.651 | 3.433 | 3.529 | 3.701 |
| + Bất động sản đầu tư | 105 | 101 | 98 | 95 |
| + Tài sản dở dang dài hạn | 117 | 187 | 209 | 241 |
| + Đầu tư dài hạn | 763 | 710 | 708 | 510 |
| + Tài sản dài hạn khác | 918 | 1.395 | 1.616 | 2.074 |
| Tài sản dài hạn | 5.577 | 5.863 | 6.191 | 6.672 |
| Tổng Tài sản | 28.810 | 38.839 | 41.734 | 45.610 |
| + Vay ngắn hạn | 2.701 | 6.967 | 7.423 | 10.735 |
| + Nợ ngắn hạn khác | 14.514 | 20.178 | 22.529 | 22.952 |
| Nợ ngắn hạn | 17.215 | 27.144 | 29.953 | 33.687 |
| + Vay dài hạn | 63 | 88 | 111 | 145 |
| + Các khoản phải trả dài hạn khác | 205 | 214 | 223 | 223 |
| Nợ dài hạn | 268 | 302 | 334 | 368 |
| Tổng nợ phải trả | 17.483 | 27.446 | 30.286 | 34.055 |
| + Vốn cổ phần | 10.342 | 10.342 | 10.342 | 10.342 |
| + Thặng dư vốn cổ phần | 0 | 0 | 0 | 0 |
| + Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | -186 | -6 | 70 | 129 |
| + Quỹ khác | 1.170 | 1.057 | 1.037 | 1.083 |
| Vốn chủ sở hữu | 11.327 | 11.393 | 11.448 | 11.555 |
| Tổng cộng nguồn vốn | 28.810 | 38.839 | 41.734 | 45.610 |

| Tỷ lệ tăng trưởng (%) | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 |
|--------------------------|-------|--------|--------|-------|
| Tăng trưởng doanh thu | 80,2% | -1,5% | 21,2% | 21,0% |
| Tăng trưởng LNST | 1,8% | -3,0% | -22,5% | 20,9% |
| Tăng trưởng LNST | -6,4% | -14,1% | -23,6% | 6,1% |
| Tăng trưởng VCSH | 1,3% | 0,6% | 0,5% | 0,9% |
| Tăng trưởng Tổng tài sản | 5,9% | 34,8% | 7,5% | 9,3% |

| Định giá (lần) | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 |
|----------------|-------|--------|--------|--------|
| P/E | 15,0 | 22,9 | 37,3 | 31,5 |
| P/B | 0,7 | 1,0 | 1,2 | 1,06 |
| EPS | 493 | 419 | 316 | 343 |
| BVPS | 9.872 | 10.021 | 10.088 | 10.173 |

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

| | |
|---------------------|---|
| MUA | Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên |
| KHẢ QUAN | Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15% |
| TRUNG LẬP | Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8% |
| KÉM KHẢ QUAN | Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5% |
| BÁN | Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15% |

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc TTPT

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường – Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn

Hàng & Dịch vụ công nghiệp

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminh@abs.vn



Tạ Hòa
**NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỖI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây